

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 6 – VĨNH LONG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 173/2026/DS-ST

Ngày: 28-8-2026.

V/v tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm .

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước Bình.

Bà Bùi Thị Tuyết Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Khánh Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 239/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2026 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1991; Số CCCD: 083091010466. Địa chỉ: ấp C (nay là ấp T), xã P, tỉnh Vĩnh Long .

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phạm Phước D, sinh năm: 1993; CCCD số: 083093015469; địa chỉ: ấp P (nay là ấp M), xã P, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm: 1981; số CCCD: 083081016419. Địa chỉ: ấp T (nay là ấp G), xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn là ông V vắng mặt và có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của người khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Phạm Phước D trình bày:

- Tháng 1/2022 ông Phạm Văn V có vay của ông T số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) không có viết giấy nợ và lãi suất thỏa thuận miệng là 20%/năm.

- Đến ngày 22/3/2025 sau nhiều lần ông T yêu cầu trả nợ và viết giấy thì ông Phạm Văn V có tự viết “giấy mượn tiền” có vay của ông T số tiền gồm gốc và lãi là 166.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng), thời gian vay khi con trai ông V là Phạm Minh H đủ 18 tuổi, ông V sẽ trả đủ tiền cho ông T. Đến nay, con ông V là Phạm Minh H đã đủ 18 tuổi mà ông vẫn chưa trả tiền cho ông T.

Vì vậy ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc là 166.000.000 đồng và tiền lãi đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, tiền lãi tạm tính từ 22/3/2025 đến 22/4/2026 là: $13 \text{ tháng} \times 166.000.000 \times 0,83\%/\text{tháng} = 17.911.400$ đồng (mười bảy triệu chín trăm mười một nghìn bốn trăm đồng). Tổng tiền gốc và lãi tạm tính từ ngày 22/3/2025 đến ngày 22/4/2026 là: 183.911.400 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu chín trăm mười một nghìn bốn trăm đồng). Do ông V và bà P là vợ chồng nên trước đây ông T yêu cầu cả 2 cùng liên đới trả nợ cho ông.

Ông T xác định khoản vay năm 2022 ông không còn tài liệu cung cấp cho Tòa án, hiện tại chỉ có “giấy mượn tiền ngày 22 tháng 3 năm 2025” đã cung cấp cho Tòa án, ngoài ra không còn tài liệu gì khác.

Nay ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm các vấn đề như sau:

- Ông T xác định chỉ khởi kiện một mình ông V vì người trực tiếp vay tiền của ông T là ông V, không yêu cầu trách nhiệm liên đới của bà P, không yêu cầu gì liên quan đến ai khác. Vì vậy ông T rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Hồng P.

- Đối với số tiền gốc, ông T chỉ yêu cầu ông V trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng, do khi làm “giấy mượn tiền ngày 22 tháng 3 năm 2025” đã tính luôn tiền lãi nhập vào thành số tiền gốc 166.000.000 đồng. Ông T rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 66.000.000 đồng và rút toàn bộ yêu cầu tính lãi, cụ thể rút yêu cầu số tiền lãi là 17.911.400 đồng.

Việc bị đơn xin trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng đến khi trả xong nợ thì nguyên đơn không đồng ý, việc trả tiền như thế nào thì sẽ thi hành án theo quy định.

Hiện tại ông T đã khởi kiện hết các khoản vay mà ông V nợ ông.

Bị đơn là ông Phạm Văn V vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông V trình bày: Ông V xác định đồng ý trả cho ông T số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), không đồng ý trả lãi suất vì ông V đã trả lãi đầy đủ cho ông T. Đồng thời ông V yêu cầu được trả dần số nợ gốc theo cách thức hàng tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng. Ông V xác định khoản vay này chỉ một mình ông vay của ông T, không liên

quan gì đến bà **P**, ông và bà **P** đã ly hôn trước khi ông vay tiền, cũng không liên quan gì đến **Phạm Minh H**. Ông yêu cầu Tòa án không đưa bà **P** và **Phạm Minh H** vào tham gia tố tụng. Ông bận công việc nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành các hoạt động tố tụng theo đúng quy định chung về phiên tòa sơ thẩm: thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa. Thư ký phiên tòa đã thực hiện các công việc chuẩn bị khai mạc phiên tòa và các nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là phía nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Riêng bị đơn không có mặt theo thông báo của Tòa án, không tuân thủ đúng các quy định Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 92, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 357, 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Văn T**: Buộc ông **Phạm Văn V** có nghĩa vụ trả cho ông **T** số tiền gốc là 100.000.000 đồng, ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông **T** về việc yêu cầu bà **P** liên đới trả nợ, đình chỉ yêu cầu ông **V** trả cho ông **T** số tiền gốc 66.000.000 đồng và đình chỉ toàn bộ yêu cầu về tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay và tiền lãi theo quy định, đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, bị đơn có nơi cư trú tại **ấp T (nay là ấp G), xã H, tỉnh Vĩnh Long** nên được Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long thụ lý, giải quyết theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025 (BLTTDS); Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS); Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 và Luật số 85/2025/QH15.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông **Phạm Văn V** vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **V**.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **T** về tiền gốc:

- Nguyên đơn rút một phần yêu cầu về tiền gốc, chỉ yêu cầu bị đơn ông **V** trả số tiền gốc còn nợ là 100.000.000 đồng, cụ thể số tiền gốc chênh lệch nguyên đơn rút so với đơn khởi kiện là 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng). Việc rút một phần yêu cầu về tiền gốc là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Căn cứ theo hợp đồng vay tiền là “giấy mượn tiền ngày 22 tháng 3 năm 2025” giữa ông **Trần Văn T** với ông **Phạm Văn V** có nội dung thể hiện ông **V** có vay của ông **T** số tiền: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: một trăm triệu đồng), thời gian vay là khi trai ông **V** là **Phạm Minh H** sau khi đủ 18 tuổi, ông **V** sẽ trả đủ tiền cho ông **T**. Tại bản tự khai và yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 27/8/2026 của ông **V** xác định ông còn nợ ông **T** số tiền gốc 100.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền gốc này và xin trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng đến khi trả xong số tiền gốc còn nợ, phía nguyên đơn không đồng ý việc trả dần hàng tháng theo ý kiến của bị đơn. Hiện tại **Phạm Minh H** đã đủ 18 tuổi, ông **V** chưa trả tiền gốc còn nợ cho ông **T** là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, ông **T** yêu cầu ông **V** thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay với số tiền gốc còn nợ là 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng) là đúng quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Các bên không thống nhất việc trả dần hàng tháng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn ông **T**:

Nguyên đơn rút yêu cầu về tiền lãi. Việc rút một phần yêu cầu về tiền lãi là tự nguyện, phù hợp với Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm liên đới, các vấn đề khác: Phía nguyên đơn xác định số tiền vay chỉ có một mình ông **V** vay, nguyên đơn không yêu cầu trách nhiệm liên đới đối với ai khác. Ông **V** cũng xác định khoản vay này một mình ông vay, không liên quan đến bà **P**, ông **H**. Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bà **Nguyễn Hồng P**. Việc rút yêu cầu là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 100.000.000 đồng là 5.000.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **T** được chấp nhận nên bị đơn ông **V** phải có nghĩa vụ chịu số tiền án phí này.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 207, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ các Điều 119, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025.

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Văn T** đối với bị đơn ông **Phạm Văn V** về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

2. Buộc ông **Phạm Văn V** có nghĩa vụ trả cho ông **Trần Văn T** số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà **Nguyễn Hồng P** liên đới trả nợ. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông **Phạm Văn V** trả số tiền gốc 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng) và toàn bộ yêu cầu tính tiền lãi, cụ thể số tiền lãi 17.911.400 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 100.000.000 đồng là 5.000.000 đ (năm triệu đồng).

Ông **Phạm Văn V** có nghĩa vụ chịu số tiền án phí là 5.000.000 đ (năm triệu đồng).

Ông **Trần Văn T** không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho ông **Trần Văn T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 447.785 đ (bốn trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011152 ngày 08/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 34, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự 2025.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GĐKT, TT và THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Diễm